

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
(Sửa đổi lần thứ bốn)

PHẦN MỞ ĐẦU

I/ Những căn cứ để sửa đổi Điều lệ:

1. Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 8 ngày 26/11/2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015;

2. Biên bản, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 của Công ty cổ phần Xây lắp và sản xuất Công nghiệp họp ngày 21 tháng 4 năm 2016 thông qua việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp.

II/ Bản điều lệ này qui định việc viết tắt một số danh từ được sử dụng nhiều lần như sau:

- Công ty cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp viết là “Công ty”
- Đại hội đồng cổ đông viết là “ĐHĐCĐ”
- Hội đồng quản trị viết là “HDQT”
- Ban Kiểm soát viết là “BKS”
- Giám đốc viết là “GD”
- Pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam viết là “pháp luật”.

CHƯƠNG I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện:

1.1. Tên hợp pháp của Công ty

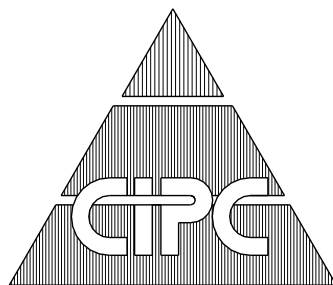
- Tên tiếng Việt Nam:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **CONSTRUCTION AND INDUSTRIAL PRODUCTION JOINT STOCK COMPANY.**

- Tên viết tắt: **CIPC**

- Logo:



1.2. Hình thức: Công ty cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần theo Nghị định 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính Phủ và quyết định số 2980/QĐ-BCN ngày 22/9/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp thành Công ty cổ phần Xây lắp và sản xuất Công nghiệp.

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH 13 được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 8 ngày 26/11/2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015.

1.3. Trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh và địa bàn hoạt động của Công ty:

- Trụ sở chính của Công ty đặt tại: tầng 4 Tòa nhà hỗn hợp Sông Đà, đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 043.3120165

- Fax: 043.3120141

- Email: cipcvn2006@gmail.com

- Website: www.cipc.com.vn

Điều lệ tổ chức và hoạt động – sửa đổi lần 4

- Công ty có thể thành lập Văn phòng đại diện, chi nhánh đặt tại các tỉnh, thành phố trên lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài để thực hiện các mục tiêu của Công ty và trong phạm vi pháp luật cho phép.

Điều 2: Tư cách pháp nhân của Công ty

2.1. Công ty cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp :

- Có tư cách pháp nhân đầy đủ theo qui định của pháp luật Việt Nam;
- Được sử dụng con dấu riêng, độc lập về tài sản, được mở tài khoản tại các ngân hàng trong và ngoài nước theo các qui định của pháp luật;
- Hoạt động theo điều lệ của Công ty và Luật Doanh nghiệp;
- Chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi vốn điều lệ;
- Tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh, hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính;
- Có bảng cân đối kế toán riêng, được lập các quỹ theo qui định của Nhà nước.

Điều 3: Mục tiêu của Công ty

Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh về xây dựng, sản xuất công nghiệp và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu đem lại lợi nhuận tối đa cho các cổ đông, đảm bảo quyền làm chủ thực sự phần vốn góp của các cổ đông, tạo việc làm ổn định cho người lao động; đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 4: Ngành nghề kinh doanh và phạm vi hoạt động

4.1. Ngành nghề kinh doanh:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
2	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như:	4329

Điều lệ tổ chức và hoạt động – sửa đổi lần 4

	<ul style="list-style-type: none"> + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dành cho vui chơi giải trí; - Lắp đặt thiết bị công nghệ, điện nước, đo lường, phòng chống cháy; 	
3	Lắp đặt hệ thống điện	4321
4	Hoàn thiện công trình xây dựng.	4330
5	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp.	2816
6	Sản xuất đồ gỗ xây dựng.	1622
7	Sản xuất bê tông và các loại sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
8	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá.	2396
9	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại.	2512
10	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.	2592
11	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.	3320
12	Xây dựng nhà các loại.	4100
13	Xây dựng công trình công ích.	4220
14	Phá dỡ.	4311
15	Chuẩn bị mặt bằng.	4312
16	<p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết: Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Xây dựng nền móng của tòa nhà, gồm đóng cọc, + Thử độ ẩm và các công việc thử nước, + Chống ẩm các tòa nhà, + Chôn chân trụ, + Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, 	4390

Điều lệ tổ chức và hoạt động – sửa đổi lần 4

	<p>+ Uôn thép, + Xây gạch và đặt đá, + Lợp mái bao phủ tòa nhà, + Dụng cụ giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng đỡ đỡ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng.</p>	
17	<p>Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài)</p>	4610
18	<p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)</p>	4659
19	<p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; - Tư vấn đầu tư, lập dự án và tổng lập dự toán, quản lý dự án (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình); - Lập dự án đầu tư xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình cấp thoát nước; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp; Giám sát lắp đặt thiết bị điện công trình dân dụng; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư; Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình; Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng xây dựng công trình; Lập thẩm tra dự toán xây dựng công trình; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình; Lập hồ sơ thanh quyết toán hợp đồng; Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình;</p>	7110
20	<p>Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.</p>	6810

Điều lệ tổ chức và hoạt động – sửa đổi lần 4

21	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây lắp đường dây và trạm biến áp đến 220KV; - Xây lắp đường dây và trạm biến áp, công trình nguồn điện; - Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng đến nhóm A; Các công trình kỹ thuật hạ tầng, khu công nghiệp và khu dân cư; Công trình giao thông đường bộ, cầu cảng, thủy lợi;	4290
22	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ vận tải đường bộ, đại lý hàng hóa, cho thuê thiết bị và kho bãi;	5229
23	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Mua, bán thiết bị, vật tư kỹ thuật, vật liệu xây dựng;	4663
24	Sản xuất các cấu kiện kim loại Chi tiết: - Sản xuất kết cấu thép, nhà tiền chế, thiết bị phi tiêu chuẩn, tấm lợp, kim loại và phụ kiện.	2511
25	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất các loại vật liệu xây dựng	3290
26	Giáo dục nghề nghiệp (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	8532

Khi cần thiết ĐHCĐ hoặc HĐQT quyết định điều chỉnh hoặc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với sự phát triển và qui định của pháp luật.

4.2. Phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty:

Công ty hoạt động theo ngành nghề đăng ký kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.

Điều 5. Thời hạn hoạt động của Công ty:

Thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ khi được cấp đăng ký kinh doanh lần đầu và là vô thời hạn.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm kế thừa:

6.1. Công ty kế thừa:

Điều lệ tổ chức và hoạt động – sửa đổi lần 4

- Quyền sở hữu tài sản theo sổ sách kế toán của Công ty Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp trên cơ sở quyết định xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm đăng ký kinh doanh của Công ty cổ phần và hồ sơ bàn giao.

- Quyền sử dụng đất, quyền đòi hỏi các đối tác kinh tế, các cán bộ, công nhân viên thực hiện hợp đồng và các cam kết đã có với Công ty Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp ;

- Quyền thu hồi các khoản nợ, tạm ứng của các tổ chức, cá nhân với Công ty Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp ;

- Các quyền thừa kế khác theo qui định của pháp luật.

6.2. Công ty có trách nhiệm:

- Trả các khoản nợ vay ghi trên sổ sách kế toán do Công ty Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp bàn giao sang;

- Thực hiện các hợp đồng kinh tế, các cam kết của Công ty Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp với các đối tác kinh tế và người lao động trong đơn vị;

- Không có nghĩa vụ trả các khoản nợ cũ phát sinh thêm ngoài các khoản nợ ghi trên sổ sách kế toán đã bàn giao sang.

Điều 7. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị – xã hội khác trong Công ty:

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội phụ nữ và các tổ chức chính trị – xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và theo điều lệ của các tổ chức đó.

Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động theo đúng điều lệ của các tổ chức đó phù hợp với qui định của pháp luật.

Điều 8: Mọi quan hệ của Công ty với Tổng công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (Vinaincon)

8.1. Công ty cổ phần Xây lắp và sản xuất Công nghiệp là Công ty con của Tổng công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam. Tổng công ty thực hiện quyền chi phối thông qua người đại diện phần vốn tại Công ty trong khuôn khổ qui định của điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các qui định của pháp luật.

Điều lệ tổ chức và hoạt động – sửa đổi lần 4

8.2. Công ty được tham gia các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động Công đoàn và các hoạt động khác trong hệ thống tổ chức của Tổng công ty; thực hiện nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi tương ứng theo quy chế của Tổng công ty và phù hợp với qui định của pháp luật.

8.3. Công ty được Tổng công ty chia sẻ thông tin và hỗ trợ trong việc tìm kiếm thị trường, được uỷ quyền, bảo lãnh những việc nhằm phát triển kinh doanh của Công ty phù hợp với khả năng của Tổng công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

8.4. Công ty có trách nhiệm báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác thuộc hệ thống tổ chức của Tổng công ty. Công ty có trách nhiệm phối hợp lực lượng thực hiện chương trình và mục tiêu của Tổng công ty.

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG.

Điều 9: Vốn điều lệ

9.1. - Vốn điều lệ của Công ty thời điểm thành lập là: 24.450.000.000, đồng

- Vốn điều lệ thời điểm hiện tại: 45.450.000.000, đồng

- Mệnh giá một cổ phần là 10.000đ

9.2. Cơ cấu vốn theo sở hữu:

- Vốn thuộc sở hữu do Tổng công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam nắm giữ là 23.700.930.000,đồng, tương ứng 2.370.093 cổ phần, chiếm 52,15% vốn điều lệ;

- Vốn của các cổ đông là 21.749.070.000.đ, tương ứng 2.174.907 cổ phần, chiếm 47,85% vốn điều lệ;

Công ty có thể tăng, giảm và điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ, điều chỉnh loại cổ phần khi được ĐHĐCĐ thông qua phù hợp với các qui định của pháp luật.

9.3. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn, liên doanh. Không được sử dụng vốn điều lệ để chia cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào .

9.4. Thủ tục xác nhận vốn điều lệ bổ sung thực hiện tại cơ quan đăng ký kinh doanh.

Điều 10: Cổ phần bán, chuyển nhượng, phát hành và thừa kế :

10.1. Tất cả cổ phần tại thời điểm thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Trong quá trình phát triển Công ty có thể phát hành các loại cổ phần phù hợp với qui định của pháp luật.

10.2. Tên, địa chỉ và số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo qui định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại phụ lục số 1 đính kèm. Phụ lục là một phần của điều lệ này.

10.3. Bán cổ phần:

- Cổ phần phổ thông mới dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty.

- Công ty phải thông báo chào bán cổ phần trong thời gian tối thiểu 20 ngày, để cổ đông đặt mua. Số cổ phần cổ đông không mua hết, HĐQT có thể bán cho các đối tượng khác theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT cho là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ phi các cổ đông chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.

- Công ty có thể phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo qui định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

10.4. Chuyển nhượng cổ phần:

a. Tất cả cổ phần của Công ty đều có thể được tự do mua bán, chuyển nhượng, riêng trường hợp dưới đây bị hạn chế trong việc chuyển nhượng: Cổ phần của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát trong thời gian đương nhiệm và trong thời gian 12 tháng kể từ khi thôi giữ các chức danh trên không được chuyển nhượng.

b. Cổ đông sở hữu cổ phiếu ghi danh, muốn chuyển nhượng phải làm đơn gửi HĐQT. Trong thời gian 60 ngày kể từ ngày nhận đơn HĐQT phải xem xét trả lời được chuyển nhượng hay không được chuyển nhượng. Trường hợp Hội đồng quản trị không chấp nhận cho chuyển nhượng phải thông báo rõ lý do. Hội đồng quản trị có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phần ghi danh nào chưa được thanh toán đầy đủ.

c. Sau khi chuyển nhượng cổ phần phải đăng ký lại cổ đông tại trụ sở chính của Công ty (nơi phát hành cổ phiếu), chậm nhất là 07 ngày.

d. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian kết thúc thời điểm lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng được nhận cổ tức từ Công ty.

e. Trong vòng 15 ngày trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông không được chuyển nhượng cổ phần.

10.5. Thừa kế cổ phần:

Trường hợp một cổ đông qua đời, Công ty tôn trọng quyền thừa kế hợp pháp theo luật định. Người thừa kế hợp pháp được đăng ký làm chủ sở hữu số cổ phần thừa kế và trở thành cổ đông mới, được hưởng quyền lợi và có nghĩa vụ của cổ đông trước đó mà họ được thừa kế.

Điều 11: Mua lại cổ phần

11.1. Công ty có thể mua lại cổ phần của chính mình (kể cả cổ phần hoàn lại) theo những cách thức được qui định trong Luật Doanh nghiệp và các luật liên quan phù hợp với thẩm quyền mà đại hội đồng cổ đông đã cho phép theo quy định trong điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được chào bán (nếu chưa làm thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ).

11.2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông qui định tại điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên hoặc địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời gian 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nói tại khoản này.

b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông qui định tại điểm (a) khoản này với giá thị trường hoặc với giá được định theo nguyên tắc qui định tại điều lệ Công ty trong thời gian 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có quyền yêu cầu trọng tài kinh tế hoặc toà án kinh tế giải quyết theo qui định của pháp luật.

11.3. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty :

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác (nếu có) đã bán theo qui định sau đây:

Điều lệ tổ chức và hoạt động – sửa đổi lần 4

a. Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại do ĐHĐCĐ quyết định. Trong trường hợp khác việc mua lại cổ phần do HĐQT quyết định.

b. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại trừ trường hợp qui định tại điểm (c) khoản này.

c. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo.

11.4. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại:

a. Khi mua cổ phần của cổ đông, Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

b. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo điều đó bằng văn bản cho tất cả các chủ nợ biết trong thời gian 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 12: Thu hồi cổ phần

12.1. Nếu một cổ đông không thanh toán đầy đủ, đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần thì Hội đồng quản trị gửi thông báo yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất (nếu có) cộng với chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu thì cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.

12.2. Nếu thông báo nêu trên không được thực hiện thì HĐQT sẽ thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất cứ lúc nào. Việc thu hồi bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa chi trả cho đến thời điểm thu hồi.

12.3. Cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác mà HĐQT thấy là phù hợp.

12.4. Khi cổ phần bị thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần trước thời điểm thu hồi. Nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 13: Cổ phiếu:

13.1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hay một số cổ phần của Công ty.

Có 02 loại cổ phiếu: cổ phiếu ghi danh và cổ phiếu không ghi danh. Một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ được đại diện cho một loại cổ phần.

13.2. Cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu Công ty và có chữ ký của người đại diện theo pháp luật.

13.3. Các cổ đông có tên trong sổ đăng ký cổ đông của Công ty được cấp miễn phí một hay một số cổ phiếu cho tất cả các cổ phần của mình trong vòng 02 tháng sau khi mua. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và một hay một số chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

13.4. Cổ phiếu bị hư hỏng, bị tiêu huỷ hoặc bị mất thì người sở hữu cổ phiếu đó phải báo cáo ngay cho Công ty bằng văn bản, được Công ty cấp lại cổ phiếu mới khi trình đủ chứng cứ theo qui định của pháp luật và phải trả phí tổn do Công ty qui định. Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong trường hợp sử dụng cổ phiếu với mục đích lừa đảo.

13.5. Căn cứ các qui định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, Công ty có thể phát hành cổ phiếu ghi danh không theo hình thức chứng chỉ và cho phép các cổ phần được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng; hoặc tùy từng thời điểm mà HĐQT có thể ban hành các qui định khác thay thế cho các qui định tương ứng trong điều lệ này về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần.

Điều 14: Cổ đông

14.1. Cổ đông của Công ty là những tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hay nhiều cổ phần của Công ty.

14.2. Cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Công ty có các quyền sau:

Điều lệ tổ chức và hoạt động – sửa đổi lần 4

a. Tham dự và phát biểu trong các đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết tất cả mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, trực tiếp hoặc thông qua người đại diện được uỷ quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b. Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của đại hội đồng cổ đông tương ứng với phần vốn góp.

c. Được mua bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần theo điều lệ Công ty và phù hợp với các qui định của pháp luật.

d. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu.

e. Trong trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau các cổ đông ưu đãi hoàn lại.

f. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia vào ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa chữa lại những thông tin không chính xác.

g. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp qui định tại điều 11 điều lệ này.

Các quyền khác theo qui định của pháp luật và điều lệ này.

14.3. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.

14.4. Cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu hoặc đại diện cho nhóm cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có quyền:

a. Đề cử người vào HĐQT và Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

c. Kiểm tra và nhận bản sao trích lục danh sách các cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp đại hội đồng cổ đông và các quyền khác qui định trong luật Doanh nghiệp và điều lệ này.

14.5. Cổ đông của Công ty có các nghĩa vụ sau:

a. Tuân thủ điều lệ Công ty và các qui chế, các quyết định của Hội đồng quản trị, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b. Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục qui định;

- c. Chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;
- d. Bảo vệ uy tín, lợi ích, tài sản và bí mật về các hoạt động của Công ty;
- e. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo qui định của pháp luật và điều lệ này.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT CÔNG TY

Điều 15: Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty

15.1 Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty gồm: Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, Xí nghiệp, nhà máy, trung tâm, xưởng, đội. Số lượng, qui mô và loại hình tổ chức được hình thành, sắp xếp lại phù hợp với sự phát triển của Công ty, Tổng công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam và qui định của pháp luật.

15.2. Công ty được thành lập mới hoặc góp vốn thành lập các công ty cổ phần, Công ty liên doanh, các xí nghiệp, nhà máy hạch toán phụ thuộc theo qui định của pháp luật.

15.3. Thời điểm hiện tại Công ty có các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc:

1. Chi nhánh CIPC – Xí nghiệp Xây lắp và Thi công cơ giới.

Địa chỉ: Số 150/72, đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

2. Chi nhánh CIPC - Xí nghiệp Xây lắp 4.

Địa chỉ: Phú Diễn, Từ Liêm, Hà Nội;

3. Chi nhánh CIPC - Xí nghiệp Xây lắp và Khảo sát Công trình:

Địa chỉ: Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội

4. Văn phòng đại diện Công ty tại Quảng Ninh

Địa chỉ: Phường Cẩm Thịnh, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

15.4. Các đơn vị thành viên của Công ty hạch toán phụ thuộc có con dấu, được mở tài khoản tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng theo sự phân cấp của Công ty và phù hợp với pháp luật. Đơn vị được giao sử dụng một phần tài sản, vốn của Công ty để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn. Tùy theo qui mô tổ chức sản xuất, số vốn và tài sản, năng lực quản lý và thị trường của từng đơn vị mà có phân cấp khác nhau.

Điều lệ tổ chức và hoạt động – sửa đổi lần 4

Trong quá trình phát triển, đơn vị thành viên trực thuộc có thể được tách để chuyển thành Công ty TNHH một thành viên, Công ty cổ phần. Tỷ lệ **vốn góp của Công ty do HĐQT Công ty quyết định**. Công ty cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình thông qua **người đại diện chủ sở hữu** phần vốn góp tại Công ty được tách, có mối quan hệ với Công ty được tách theo hình thức nhóm Công ty. Việc chuyển đổi này phụ thuộc vào qui mô hoạt động và phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty, được pháp luật cho phép.

15.5. Các mặt hoạt động của đơn vị thành viên, mối quan hệ của các đơn vị thành viên với Công ty và giữa các đơn vị với nhau được thực hiện thông qua hệ thống qui chế quản lý, điều hành nội bộ Công ty. Hàng năm hệ thống qui chế này được điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 16. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Giám đốc;
4. Ban kiểm soát.

CHƯƠNG IV

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 17: Đại hội đồng cổ đông:

17.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần trong thời hạn 4 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

17.2. Đại hội đồng cổ đông thường niên do HĐQT triệu tập và tổ chức tại một địa điểm thích hợp do HĐQT qui định tùy từng thời điểm. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được pháp luật và điều lệ này qui định.

17.3. Tất cả các cuộc họp đại hội đồng cổ đông khác được coi là đại hội đồng cổ đông bất thường. HĐQT triệu tập đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

Điều lệ tổ chức và hoạt động – sửa đổi lần 4

b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo tài chính quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn điều lệ đã bị mất 20% trở lên;

c. Khi số thành viên của HĐQT ít hơn số thành viên mà luật pháp và điều lệ này qui định hoặc bị giảm 1/3 trở lên;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông qui định tại khoản 14.4 của điều 14 điều lệ này yêu cầu triệu tập đại hội trong các trường hợp: Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

e. Theo yêu cầu của BKS nếu BKS có lý do chắc chắn rằng các thành viên của HĐQT hoặc bộ máy vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ.

f. Các trường hợp khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.

17.4. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của cổ đông hoặc của ban kiểm soát:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp cổ đông trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại mục 4 và mục 5 của khoản 17.3 điều này.

b. Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp nêu trên, Ban kiểm soát sẽ phải triệu tập cuộc họp các cổ đông.

c. Trường hợp ban kiểm soát không triệu tập được cuộc họp, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại khoản 14.4 của điều 14 có quyền thay thế HĐQT hoặc ban kiểm soát triệu tập đại hội đồng cổ đông theo qui định của Luật Doanh nghiệp.

d. Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành cuộc họp đại hội đồng cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm các chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;

- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

Điều 19. Đại diện, uỷ quyền dự họp đại hội đồng cổ đông.

19.1. Tất cả các cổ đông đều có quyền tham dự Đại hội. Tuy nhiên căn cứ vào các điều kiện tổ chức thực tế, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định mức đại diện sở hữu tối thiểu của cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông cho các Đại hội tiếp theo.

19.2. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tiếp hoặc uỷ quyền cho người khác đại diện cho mình tham gia đại hội. Đại diện được uỷ quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

Việc uỷ quyền chỉ được thực hiện từng lần và phải được lập thành văn bản theo đúng nội dung do HĐQT qui định. Văn bản này nhằm xác định quyền của người đại diện khi người này bằng lập trường của mình biểu quyết hay bỏ phiếu cho các quyết định và những vấn đề đưa ra trong hội nghị.

19.3. Người ký giấy uỷ quyền có thể thu hồi sự uỷ quyền của mình bằng thông báo (bằng văn bản) gửi Hội đồng quản trị trước khi diễn ra đại hội cổ đông.

19.4. Trường hợp một cổ đông pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất từ pháp nhân cổ đông cũ hoặc thừa kế quyền, nghĩa vụ của pháp nhân cũ thì cổ đông pháp nhân mới này phải gửi cho hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để xử lý các vấn đề về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người đại diện theo pháp luật hiện hành.

19.5. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần được chuyển nhượng.

Điều 20. Triệu tập đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, thông báo:

20.1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

Điều lệ tổ chức và hoạt động – sửa đổi lần 4

a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ Chuẩn bị danh sách cổ đông được lập không sớm hơn 5 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ; Thông báo mời họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Chương trình họp và các tài liệu phục vụ đại hội phù hợp với qui định của pháp luật và Công ty ;

b. Xác định thời gian và địa điểm đại hội.

c. Các nội dung khác thực hiện theo qui định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các qui định của Nhà nước.

20.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được lập thành văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày trước khi tiến hành đại hội. Kiến nghị phải ghi rõ họ tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung của kiến nghị đưa vào chương trình họp.

20.3. Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối đề nghị liên quan đến khoản 20.2 điều này nếu:

a. Kiến nghị không được gửi đúng hạn;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông không có đủ từ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của đại hội đồng cổ đông.

20.4. Người triệu tập họp đại hội đồng cổ đông phải gửi giấy mời họp đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kèm theo giấy mời họp phải có chương trình họp. Các tài liệu cần thiết để thảo luận làm cơ sở thông qua là do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp đại hội đồng cổ đông và lập biên bản đại hội đồng cổ đông:

21.1. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch hội đồng quản trị chủ trì, nếu chủ tịch vắng mặt thì uỷ quyền cho một thành viên HĐQT khác chủ trì.

21.2. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai

Điều lệ tổ chức và hoạt động – sửa đổi lần 4

được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ số đại biểu cần thiết thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp.

21.3. Chủ tọa thông qua chương trình đại hội, bầu thư ký đại hội và ban kiểm phiếu.

21.4. Chủ tọa phiên họp tuyên bố thể thức tiến hành họp và hình thức biểu quyết phù hợp với điều lệ này khi cuộc họp bắt đầu.

21.5. Cuộc họp đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty, có chữ ký của chủ tọa, thư ký và kiểm phiếu viên sau phiên họp. Nội dung biên bản họp đại hội đồng cổ đông theo qui định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản phải được làm xong và thông qua trước khi bế mạc phiên họp. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại văn phòng Công ty.

Điều 22: Biểu quyết và thông qua quyết định của đại hội đồng cổ đông.

22.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc bỏ phiếu kín. Riêng việc bầu cử và bãi miễn các thành viên HĐQT, thành viên ban kiểm soát bắt buộc phải thực hiện bằng cách bỏ phiếu kín trực tiếp.

22.2. Mỗi cổ đông tham dự đại hội đồng cổ đông khi biểu quyết được tính số phiếu bằng số cổ phần mà họ sở hữu hoặc đại diện.

22.3. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua từ 51% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp dự họp chấp nhận, trừ trường hợp qui định tại khoản 22.4 điều này.

22.4. Các Nghị quyết sau của ĐHĐCĐ phải được thông qua bởi từ 65% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp dự họp chấp thuận:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty;

Điều lệ tổ chức và hoạt động – sửa đổi lần 4

- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35%/ tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- Tổ chức lại, giải thể Công ty.

22.5. Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.

22.6. Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định được thông qua. Gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của đại hội đồng cổ đông:

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày quyết định được thông qua. Cổ đông, hội đồng quản trị, ban kiểm soát, Giám đốc có quyền yêu cầu toà án xem xét và huỷ bỏ quyết định của đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp đại hội đồng không thực hiện đúng theo qui định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

2. Nội dung quyết định vi phạm qui định của pháp luật hoặc điều lệ Công ty.

CHƯƠNG V

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện và nhiệm kỳ của HĐQT.

24.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

24.2. HĐQT có từ 03 thành viên. Số lượng thành viên hội đồng quản trị có thể tăng do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng tối đa không quá 07 người. Thành viên HĐQT do đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.

24.3. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm năm. Các thành viên có thể được bầu lại. Khi bầu các thành viên HĐQT, Công ty phải thực hiện nguyên tắc kế thừa, sao cho HĐQT nhiệm kỳ mới có ít nhất 1/4 số thành viên nhiệm kỳ trước.

24.4. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

24.5 Tiêu chuẩn và điều kiện là thành viên HĐQT:

Điều lệ tổ chức và hoạt động – sửa đổi lần 4

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật DN 2014;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và **không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.**

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 25. Đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

25.1. Mỗi cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên có quyền tham gia ứng cử bầu vào HĐQT. Những cổ đông nắm giữ dưới 10% số cổ phần phổ thông trong vòng 6 tháng liên tiếp trở lên có quyền gộp số cổ phần của từng người lại có đủ mức qui định và giới thiệu một thành viên của nhóm mình để đề cử bầu vào HĐQT .

Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam là đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại Công ty cử người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty và tham gia ứng cử vào HĐQT Công ty.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 thành viên để bầu vào HĐQT; nếu chiếm từ 30% trở lên đến dưới 50% được đề cử 02 thành viên; nếu chiếm từ 50% đến 70% được đề cử 03 thành viên; nếu chiếm trên 70% được đề cử 04 thành viên.

25.2. Cổ đông được đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị Công ty phải là người có năng lực, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết về pháp luật, có năng lực kinh doanh và kinh nghiệm tổ chức quản lý doanh nghiệp.

25.3. Thành viên HĐQT có thể kiêm nhiệm các chức vụ điều hành trực tiếp sản xuất kinh doanh của Công ty.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị:

26.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của đại hội đồng cổ đông.

26.2. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược phát triển của Công ty;
- b. Kiến nghị với đại hội đồng cổ đông loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán;
- c. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo các hình thức khác;
- d. Quyết định phương án đầu tư phát triển theo kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua. Trường hợp đầu tư ngoài kế hoạch thì HĐQT được quyết định đầu tư mức đầu tư dưới 30% vốn điều lệ, sau đó phải báo cáo trước đại hội đồng cổ đông gần nhất và điều chỉnh vào kế hoạch năm;
- e. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, qui chế quản lý nội bộ Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, các nhà máy, xí nghiệp thành viên; Quyết định việc góp vốn, mua hoặc bán cổ phần của Công ty đầu tư ở doanh nghiệp khác;
- g. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc; quyết định mức lương và lợi ích khác của Giám đốc, người đại diện phần vốn của Công ty ở doanh nghiệp khác;
- h. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức lương và các lợi ích khác của Phó giám đốc, kế toán trưởng theo đề nghị của Giám đốc; Thông qua để Giám đốc quyết định các chức danh: trưởng văn phòng đại diện, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc đơn vị thành viên;
- i. Trình báo cáo quyết toán hàng năm lên đại hội đồng cổ đông;
- k. Kiến nghị mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- l. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty, định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng liên quan đến việc phát hành cổ phiếu, trái phiếu của Công ty bao gồm cả quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- m. Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

Điều lệ tổ chức và hoạt động – sửa đổi lần 4

- n. quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần bán của từng loại;
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể của Công ty;
- p. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

26.3. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:

a. Việc ký kết các hợp đồng kinh tế, dân sự có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty tại thời điểm gần nhất với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, cổ đông sở hữu trên 10% cổ phần có quyền biểu quyết và với người có liên quan của họ (trừ cổ đông Nhà nước là Tổng công ty Xây dựng Công nghiệp Việt Nam);

b. Thông qua các hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty tại thời điểm gần nhất; Các hợp đồng sáp nhập, thu tóm Công ty và liên doanh;

c. Giao dịch bán tài sản của Công ty có giá trị dưới 35% tổng tài sản của Công ty được ghi trong sổ kế toán của Công ty tại thời điểm gần nhất;

d. Đầu tư góp vốn của Công ty vào doanh nghiệp khác có giá trị dưới 30% vốn điều lệ;

e. Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và luật sư của Công ty;

f. Bất kỳ vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch nào khác mà hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

g. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

26.4. Hội đồng quản trị phải nộp báo cáo cho đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, về việc giám sát của HĐQT đối với Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác của Công ty trong năm tài chính. Nếu không có báo cáo của HĐQT thì báo cáo tài chính thường niên của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT thông qua.

26.5. Các thành viên HĐQT (không kể các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chi cho các thành viên HĐQT theo thoả thuận trong hội đồng.

26.6. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

26.7. Mọi chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

Điều 27. Chủ tịch Hội đồng quản trị

27.1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một chủ tịch HĐQT. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc điều hành trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

27.2. Chủ tịch HĐQT là người điều hành và chịu trách nhiệm chung mọi công việc của Hội đồng quản trị trước đại hội đồng cổ đông, có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a. Tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa các cuộc họp của hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT dưới các hình thức;
- d. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT dưới các hình thức;
- e. Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- f. Chủ tọa họp đại hội đồng cổ đông;
- g. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

27.3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì thành viên được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền sẽ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT.

27.4. Khi chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày.

Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

28.1. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT thường kỳ mỗi quý một lần. Chương trình nghị sự, thông báo mời họp và các tài liệu cần thiết về những

Điều lệ tổ chức và hoạt động – sửa đổi lần 4

vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp phải được gửi cho các thành viên ít nhất 5 ngày trước ngày dự kiến họp.

Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp HĐQT bất kỳ lúc nào khi thấy cần thiết.

28.2. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT bất thường chậm nhất 15 ngày sau khi nhận được đề nghị bằng văn bản nêu mục đích và những vấn đề cần giải quyết của một trong những đối tượng dưới đây:

- a. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
- b. Giám đốc;
- c. Ban kiểm soát.

28.3. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp, những người đề nghị tổ chức họp được đề cập đến trong điều 28 khoản 2 có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.

28.4. Trường hợp cần thiết, chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty .

28.5. Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành tại trụ sở của Công ty hoặc địa điểm khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT hoặc sự nhất trí của HĐQT.

28.6. Cuộc họp chỉ có thể tiến hành khi có ít nhất ba phần tư tổng số thành viên tham dự. Khi thành viên HĐQT vắng mặt có thể uỷ quyền cho một thành viên HĐQT khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình tại cuộc họp HĐQT. Việc uỷ quyền phải thực hiện bằng văn bản và có thời hạn nhất định. Uỷ quyền được gửi tới chủ tịch HĐQT trước khi họp. Người thực hiện uỷ quyền có phiếu biểu quyết cho người đã uỷ quyền bên cạnh phiếu biểu quyết của mình.

28.7. Biểu quyết:

a. Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt tại cuộc họp Hội đồng sẽ có một phiếu biểu quyết, trừ trường hợp qui định tại khoản b điều này;

b. Thành viên HĐQT sẽ không được quyền biểu quyết về một vấn đề nào đó mà thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó có lợi ích mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

c. Khi biểu quyết các vấn đề về hợp đồng kinh tế dân sự giữa Công ty với một thành viên hoặc người có liên quan của thành viên HĐQT thì thành viên đó không được quyền biểu quyết.

28.8. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định theo ý kiến tán thành của ít nhất 3/5 thành viên HĐQT dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của chủ tịch HĐQT.

28.9. Biên bản họp HĐQT phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp. Biên bản họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên sau cuộc họp trong thời hạn 10 ngày.

28.10. Những người được mời họp dự thính: Giám đốc (trong trường hợp Giám đốc không phải là thành viên HĐQT), các cán bộ quản lý khác, các chuyên gia (nếu thấy cần thiết) có thể dự họp theo lời mời của HĐQT. Những người họp dự thính không có quyền biểu quyết.

Điều 29: Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT.

29.1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 24.5 điều 24 của Điều lệ này.

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức;

29.2. Thành viên HĐQT bị bãi nhiệm trong trường hợp sau:

Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

29.3. Trường hợp số thành viên HĐQT bị giảm quá 1/3 so với số qui định tại điều lệ Công ty, thì hội đồng quản trị phải triệu tập họp đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên HĐQT.

Trong các trường hợp khác cuộc họp gần nhất của đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên mới để thay thế cho thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

29.4. Đối với người đại diện phần vốn của VINAINCON do VINAINCON cử tham gia Hội đồng quản trị, VINAINCON có thể thay đổi thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện phần vốn của mình vào bất cứ thời điểm nào giữa nhiệm kỳ. Người thay thế do VINAINCON cử sẽ đương nhiên là thành viên Hội đồng quản trị

của của Công ty và đảm nhận toàn bộ quyền hạn và nghĩa vụ của người được thay thế kể từ khi có quyết định thay thế cho tới khi hết nhiệm kỳ.

CHƯƠNG VI
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NHỮNG CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 30. Tổ chức bộ máy quản lý:

Công ty ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý hoạt động dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có một Giám đốc điều hành, một số phó Giám đốc và một kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm và bãi miễn. Giám đốc và các Phó Giám đốc có thể đồng thời là thành viên HĐQT hoặc không phải là thành viên HĐQT.

Điều 31. Cán bộ quản lý

Công ty sẽ bổ nhiệm các cán bộ quản lý cần thiết và thích hợp để hình thành hệ thống cơ cấu và thực hiện nhiệm vụ quản lý của Công ty. Cán bộ quản lý phải có năng lực và sự mẫn cán để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động của những cán bộ quản lý này do Giám đốc Công ty quyết định phù hợp với các qui định của pháp luật.

Điều 32. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc:

32.1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Giám đốc. HĐQT qui định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan của giám đốc. Thông tin về mức lương, phụ cấp, quyền lợi của Giám đốc phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

32.2. Tiêu chuẩn của Giám đốc:

- a. Tốt nghiệp Đại học và am hiểu ngành nghề kinh doanh của Công ty;
- b. Có năng lực, kinh nghiệm quản lý, hiểu biết và tuân thủ pháp luật;
- c. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, mẫn cán;

Điều lệ tổ chức và hoạt động – sửa đổi lần 4

d. Không đồng thời giữ bất cứ chức vụ quản lý điều hành nào tại tổ chức kinh tế khác không có vốn đầu tư của Công ty.

32.3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc:

Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ được giao. Giám đốc có quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án đầu tư đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, ngoại trừ các quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT và ĐHĐCĐ;

c. Trình Hội đồng quản trị phê duyệt cơ cấu tổ chức, qui chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Quyết định đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh với mức tối đa không quá 500 triệu đồng cho một dự án;

e. Quyết định bán tài sản của Công ty tổng giá trị không quá 200 triệu đồng cho một lần bán tài sản.;

f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định lương và phụ cấp các chức danh quản lý của Công ty trừ các chức danh do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức;

g. Vào tháng 12 hàng năm Giám đốc phải trình HĐQT kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tiếp theo dựa trên cơ sở kế hoạch dài hạn và định hướng phát triển của Công ty để HĐQT phê duyệt;

h. Chuẩn bị các bản dự toán hàng năm và hàng quý của Công ty phục vụ cho các hoạt động quản lý hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm phải được trình cho HĐQT thông qua;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo qui định của Pháp luật, điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

32.4. Bãi nhiệm: HĐQT có thể bãi nhiệm Giám đốc khi có ít nhất 3/5 số thành viên HĐQT biểu quyết tán thành (trong trường hợp này Giám đốc không được quyền biểu quyết) và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế. Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền khiếu nại việc bãi nhiệm này tại cuộc họp ĐHĐCĐ tiếp theo.

Điều 33. Bộ máy giúp việc Giám đốc.

33.1. Tùy theo phạm vi và qui mô hoạt động kinh doanh trong từng giai đoạn cụ thể Giám đốc đề xuất bộ máy điều hành gọn nhẹ, hợp lý và đề nghị bổ nhiệm những người có đủ năng lực, có phẩm chất đạo đức tốt, mẫn cán vào các vị trí quản lý chủ chốt của Công ty.

- Phó Giám đốc là người giúp việc giám đốc điều hành một số nhiệm vụ theo sự phân công và uỷ quyền của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật.

- Kế toán trưởng giúp Giám đốc chỉ đạo, thực hiện thống nhất công tác kế toán, thống kê của Công ty theo qui định của pháp luật;

- Giám đốc các chi nhánh, nhà máy, Xí nghiệp trực thuộc Công ty là thủ trưởng điều hành tại các đơn vị thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác theo qui chế nội bộ của Công ty.

- Các trưởng, phó phòng ban chuyên môn nghiệp vụ của Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc Giám đốc Công ty trong quản lý, điều hành công việc.

33.2. Giám đốc các đơn vị trực thuộc Công ty xây dựng cơ cấu bộ máy tổ chức sản xuất và quản lý trình Giám đốc Công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý tại đơn vị theo qui chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 34. Thư ký HĐQT:

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một thư ký của HĐQT để thực hiện nhiệm vụ sau và các nhiệm vụ khác do HĐQT giao:

1. Tổ chức các cuộc họp của HĐQT, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch HĐQT hoặc trưởng ban kiểm soát;

2. Làm biên bản các cuộc họp;

3. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;

4. Cung cấp thông tin cho các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VII

**NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

Điều 35. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý.

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;

c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

36.1. Thành viên HĐQT, GD điều hành và cán bộ quản lý không được sử dụng vì mục đích cá nhân các cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hay cá nhân nào khác.

36.2. Thành viên HĐQT, GD điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các giao dịch, các pháp nhân hay cá nhân khác. Những đối tượng này chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi được HĐQT chấp thuận.

36.3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh hoặc tín dụng cho các thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và những người có liên quan của họ hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà ở đó những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.

36.4. Không một thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý nào hay người có liên quan của họ được phép mua, bán hay giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác cổ phiếu của Công ty hoặc các Công ty con của Công ty vào thời điểm khi mà họ có những thông tin chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó mà các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 37. Trách nhiệm và bồi thường.

37.1. Thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra tùy theo mức độ vi phạm.

37.2. Bồi thường.

Công ty sẽ bồi thường các thiệt hại cho thành viên HĐQT, cán bộ quản lý hoặc đại diện được uỷ quyền của Công ty liên quan đến các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với trách nhiệm chuyên môn cao nhất, vì lợi ích của Công ty.

CHƯƠNG VIII

BAN KIỂM SOÁT; CÁC HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT

Điều 38. Ban kiểm soát, chức năng và quyền hạn:

38.1. Công ty có Ban Kiểm soát có từ 02 đến 03 thành viên trong đó có ít nhất 01 thành viên có chuyên môn về kế toán. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm năm. Các thành viên có thể được bầu lại. Ban kiểm soát bầu 01 thành viên làm trưởng ban.

Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

c) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

e) Kiểm soát viên công ty phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

38.2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:

a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

Điều lệ tổ chức và hoạt động – sửa đổi lần 4

c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 14.4 Điều 14 của Điều lệ này.

f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 14.4 Điều 14 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 35,36 của Điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

k. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

l. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

m. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

38.3. Đề cử người vào Ban kiểm soát:

a. Mỗi cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ 6 tháng trở lên có quyền tham gia ứng cử để bầu Ban kiểm soát. Những cổ đông nắm giữ dưới 10% số cổ phần phổ thông trong vòng 6 tháng liên

Điều lệ tổ chức và hoạt động – sửa đổi lần 4

tiếp trở lên có quyền gộp số cổ phần của từng người lại đủ mức qui định và giới thiệu một thành viên của nhóm mình để đề cử bầu vào Ban kiểm soát;

b. Cổ đông nắm giữ trên 10% đến dưới 30% số cổ phần phổ thông được quyền đề cử 01 thành viên bầu vào Ban kiểm soát. Nếu chiếm từ 30% đến 70% được đề cử 02 thành viên, nếu trên 70% được đề cử 03 thành viên.

38.4. Thành viên HĐQT, Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

38.5. Trưởng ban kiểm soát có quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Triệu tập và chủ trì cuộc họp ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị đề trình ĐHĐCĐ.

38.6. Thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do ĐHĐCĐ quyết định.

38.7. Miễn nhiệm, Bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

*/ Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 38.1 điều 38 của Điều lệ này;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

*/ Bãi nhiệm kiểm soát viên trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định tại Điều lệ này và Luật DN năm 2014;

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ Công ty.

39.1. Quyền kiểm tra sổ sách của cổ đông hoặc nhóm cổ đông được thực hiện theo điều 14.3.

39.2. Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

39.3. Công ty sẽ phải lưu điều lệ này và các văn bản sửa đổi, bổ sung điều lệ, giấy đăng ký kinh doanh, các qui chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và các giấy tờ khác theo qui định của pháp luật tại trụ sở chính của Công ty.

39.4. Mọi cổ đông đều có quyền được Công ty cấp một bản điều lệ Công ty miễn phí.

CHƯƠNG IX

CÁC CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 40. Chế độ và quyền lợi của người lao động.

40.1. Việc tuyển dụng lao động và chi trả lương, thưởng cho người lao động thực hiện theo chế độ Hợp đồng lao động ký kết giữa Giám đốc hoặc người được giám đốc uỷ quyền với người lao động bảo đảm các qui định của pháp luật.

40.2. Trong thời gian 12 tháng kể từ ngày Công ty được cấp đăng ký kinh doanh, nếu do nhu cầu tổ chức lại hoạt động sản xuất kinh doanh, thay đổi công nghệ dẫn đến người lao động bị mất việc thì chính sách đối với số lao động này được giải quyết theo chế độ hiện hành của Nhà nước.

40.3. Người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty phải có đủ năng lực trình độ chuyên môn, sức khoẻ, đạo đức, đáp ứng được yêu cầu của công việc. Công ty ưu tiên tuyển dụng lao động theo thứ tự sau:

- a. Là cổ đông của Công ty;
- b. Là vợ, chồng, con, cha, mẹ, anh, chị, em của cổ đông Công ty;
- c. Là vợ, chồng, con, cha, mẹ, anh, chị, em của cán bộ công nhân viên đang làm việc tại Công ty hoặc cán bộ công nhân viên của Công ty đã nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động;
- d. Là người địa phương nơi Công ty và các đơn vị trực thuộc đóng địa điểm.

CHƯƠNG X

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 41. Phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ

41.1. Việc phân phối lợi nhuận hàng năm được thực hiện sau khi đã hoàn thành nộp thuế và các nghĩa vụ khác theo qui định của Nhà nước. Hội đồng quản trị lập phương án phân chia lợi nhuận gồm trích lập các quỹ và chia cổ tức trình ĐHQT quyết định.

41.2. Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận hàng năm bao gồm: quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi. Tỷ lệ trích và mức trích lập các quỹ này do HĐQT trình đại hội đồng cổ đông quyết định.

41.3. Việc quản lý và sử dụng các quỹ, phân chia quỹ cho các đơn vị trực thuộc thực hiện trên nguyên tắc: Công ty quản lý tập trung đối với các quỹ dự phòng tài chính, quỹ đầu tư phát triển. Quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng sẽ được phân chia cho các đơn vị thành viên trực thuộc trên cơ sở lợi nhuận thực hiện của đơn vị. Tỷ lệ và cách thức phân chia theo qui chế quản lý tài chính Công ty, phù hợp với chế độ tài chính Nhà nước ban hành.

41.4. Chia cổ tức: Cổ tức được chi trả cho các cổ đông tương ứng với số vốn góp theo quyết định của đại hội đồng cổ đông.

41.5. Để đảm bảo mức cổ tức chung của Công ty, hàng năm các đơn vị thành viên được giao chỉ tiêu lợi nhuận cụ thể, theo đó Giám đốc và người lao động của đơn vị thành viên có nghĩa vụ thực hiện chỉ tiêu được giao và được hưởng quyền lợi theo kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị mình và qui chế của HĐQT qui định.

Điều 42. Chi trả cổ tức.

42.1. Công ty được chi trả cổ tức cho cổ đông khi quyết toán kết quả kinh doanh hàng năm có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo qui định của pháp luật và ngay sau khi trả hết cổ tức đã định Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn phải trả.

42.2. Ít nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức, HĐQT phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả các cổ đông ít nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Trong thông báo phải ghi rõ số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức, tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời gian, địa điểm và phương thức trả cổ tức.

42.3. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

42.4. Chi trả cổ tức được thực hiện mỗi năm 2 lần:

Lần thứ nhất sau khi có báo cáo quyết toán 6 tháng (tạm ứng);

Lần thứ hai sau khi kết thúc năm, có báo cáo tài chính và quyết toán thuế, có kết luận của kiểm toán (nếu năm đó có kiểm toán) và được ĐHCĐ quyết định. Chi trả cổ tức bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Trường hợp đại hội đồng cổ đông chấp nhận, có thể trả cổ tức bằng các cổ phần phổ thông. Chi phí phát sinh do việc chuyển tiền được trừ vào cổ tức được hưởng.

CHƯƠNG XI

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, TỔ CHỨC KIỂM TOÁN.

Điều 43. Tài khoản ngân hàng.

43.1. Công ty mở tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các tổ chức tín dụng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

43.2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền. Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các qui định của pháp luật.

43.3. Công ty sẽ tiến hành các giao dịch, thanh toán thông các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài khoá.

Năm tài khoá của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày thành lập và kết thúc vào hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 45. Hệ thống kế toán.

45.1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam hoặc bất kỳ hệ thống kế toán nào được Bộ Tài chính chấp thuận.

45.2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt Nam và lưu giữ hồ sơ, chứng từ kế toán theo qui định của pháp luật. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

45.3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Điều 46. Kiểm toán.

Đại hội đồng cổ đông hàng năm quyết định việc kiểm toán. Khi có quyết định kiểm toán Giám đốc lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam báo cáo HĐQT thông qua và ký hợp đồng kiểm toán. Công ty phải chuẩn bị tài liệu và tạo điều kiện cho tổ chức kiểm toán làm việc một cách độc lập.

CHƯƠNG XII

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN

Điều 47. Báo cáo hàng năm.

Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo qui định của pháp luật cũng như các qui định của Bộ Tài chính và thực hiện kiểm toán theo qui định tại điều 46 Điều lệ này.

Báo cáo tài chính hàng năm phải được thực hiện theo Luật kế toán Việt Nam.

Điều 48. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.

48.1. Các báo cáo tài chính và các tài liệu cần thiết khác phải được công bố tại Đại hội đồng cổ đông.

48.2. Báo cáo tài chính đã được thông qua tại đại hội đồng cổ đông được gửi tới các cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo qui định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XIII

CON DẤU CÔNG TY VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Điều 49. Con dấu Công ty và người đại diện theo pháp luật:

49.1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Giám đốc Công ty

Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty được thực hiện theo Luật doanh nghiệp và các qui định hiện hành của Pháp luật.

49.2. Con dấu:

- Số lượng: Công ty chỉ có duy nhất 01 con dấu và được quản lý tại Cơ quan Công ty

- Hình thức: Con dấu của Công ty hình tròn, đường kính 3,5cm

- Nội dung: Có tên đầy đủ của Công ty (không viết tắt); có mã số doanh nghiệp; có địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

49.2. Hội đồng quản trị giao cho giám đốc chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng con dấu theo qui định hiện hành của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

50.1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

- a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo qui định của pháp luật hiện hành;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của đại hội đồng cổ đông;
- c. Các trường hợp khác do pháp luật qui định.

50.2. Việc giải thể Công ty do ĐHĐCĐ quyết định và quyết định này phải được thông báo đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo hay chấp thuận nếu thủ tục chấp thuận này là bắt buộc.

Điều 51. Thanh lý.

51.1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập một ban thanh lý gồm ba thành viên, hai thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và một thành viên do HĐQT chỉ định. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các qui chế hoạt động của mình. Các thành viên của ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số các nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí có liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác.

51.2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước toà án và các cơ quan hành chính.

51.3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho cán bộ công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty.

Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản từ mục 1 đến mục 5 trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông.

CHƯƠNG XV

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp

52.1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan đến hoạt động của Công ty hay tới quyền lợi của các cổ đông, giữa:

- Một cổ đông hay các cổ đông với Công ty; hoặc
- Cổ đông hay các cổ đông với HĐQT, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành hay các cán bộ quản lý, thì các bên sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Trường hợp tranh chấp có liên quan đến một bên là HĐQT hoặc chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có quyền chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

52.2. Nếu không hoà giải được trong vòng 30 ngày kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải, thì bất cứ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án để giải quyết. Phán quyết của Toà án có hiệu lực cao nhất.

52.3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan đến thủ tục thương lượng hoà giải. Các chi phí toà án sẽ do Toà án phán quyết bên nào phải chịu.

**CHƯƠNG XVI
SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi điều lệ

53.1. Việc sửa đổi bổ sung điều lệ này phải được đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

53.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản điều lệ này hoặc trường hợp có quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản quy định trong điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**CHƯƠNG XVII
NGÀY HIỆU LỰC**

Điều 54. Ngày hiệu lực.

54.1. Bản điều lệ (sửa đổi lần 3) này gồm 17 chương, 54 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 Công ty cổ phần Xây lắp và Sản xuất Công nghiệp thông qua bổ sung, sửa đổi một số điều khoản tại Đại hội và chấp thuận hiệu lực toàn văn của điều lệ này.

Điều lệ có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

54.2. Điều lệ này được lập thành 03 bản, có giá trị pháp lý như nhau, trong đó:

- 02 bản lưu trữ tại trụ sở Công ty;
- 01 bản gửi Tổng công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam.

Điều lệ này là chính thức và duy nhất của Công ty.

54.3. Các bản sao hoặc trích lục điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT và đóng dấu Công ty mới có giá trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đỗ Chí Nguyễn

MỤC LỤC

TT	NỘI DUNG	TRANG
1	Phần mở đầu	1
2	Chương I: Điều khoản chung	1
3	Chương II: Vốn điều lệ, cổ phần cổ phiếu và cổ đông	8
4	Chương III: Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát Công ty	14
5	Chương IV: Đại hội đồng cổ đông	16
6	Chương V: Hội đồng quản trị	21
7	Chương VI: Giám đốc điều hành, những cán bộ quản lý khác và thư ký HĐQT Công ty	28
8	Chương VII: Nghĩa vụ và trách nhiệm của các thành viên HĐQT, giám đốc Công ty.	31
9	Chương VIII: Ban kiểm soát; Các hoạt động kiểm soát	32
10	Chương IX: Các chế độ về lao động và quyền lợi của người lao động	34
11	Chương X: Phân chia lợi nhuận	35
12	Chương XI: Tài khoản ngân hàng, năm tài chính, hệ thống kế toán, tổ chức kiểm toán	37
13	Chương XII: Báo cáo thường niên, trách nhiệm cung cấp thông tin	38
14	Chương XIII: Con dấu và người đại diện theo pháp luật của Công ty	38
15	Chương XIV: Chấm dứt hoạt động và thanh lý	39
16	Chương XV: Giải quyết tranh chấp nội bộ	40
17	Chương XVI: Sửa đổi điều lệ	40
18	Chương XVII: Ngày hiệu lực	41

**CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT
NHIỆM KỲ 2016 - 2020**

- 1/ Ông Đỗ Chí Nguyễn – Chủ tịch HĐQT
- 2/ Ông Hoàng Chí Cường – Ủy viên
- 3/ Ông Phạm Hùng – Ủy viên